

Số: 493/2019/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 29 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 492/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông TTN, sinh năm 1984; nơi ĐKNKTT: 326 TP, phường BD, thành phố TH, tỉnh TH; tạm trú: 164A KP 1A, phường AP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Bà NTC, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: 326 TP, phường BD, thành phố TH, tỉnh TH; tạm trú: 164A KP 1A, phường AP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông TTN và bà NTC

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông TTN và bà NTC thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên TTT, sinh ngày 11/11/2006 và TĐH, sinh ngày 11/6/2014 cho bà NTC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/ 01 con, tổng cộng 4.000.000 đồng/02 con cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông TTN tự nguyện chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035075 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (GCNKH số 40 ngày 03/7/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhâm